# Danh vị Phật



Phù điêu "7 vị Phật", [Sanchi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sanchi) (khoảng thế kỷ thứ nhất TrCN/CN).

Theo thế giới quan [Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o), thế giới trước sau có vô số vị [Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) xuất thế. Chỉ riêng trong thế giới hiện tại ([tiếng Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n)*: Sahā lokadhātu*, Ta-bà thế giới) đã có hàng ngàn vị Phật, ngoài ra còn vô số vị Phật khác đã xuất thế trong những tiền kiếp quá khứ (còn gọi là "Trang nghiêm kiếp"). Vị Phật lịch sử [Thích-ca Mâu-ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch-ca_M%C3%A2u-ni) chỉ là một trong vô số các vị Phật đó mà thôi.

Trong [văn hóa Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%83n_h%C3%B3a_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&redlink=1), một số vị [Phật Toàn giác](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_To%C3%A0n_gi%C3%A1c&action=edit&redlink=1) trong vô số các vị Phật được nhắc đến đầy đủ danh tự trong kinh văn. Những kinh văn nguyên thủy ban đầu chỉ nêu 7 danh vị Phật với danh tính và tiểu sử rõ ràng. [Kinh Đại Bản](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_%C4%90%E1%BA%A1i_b%E1%BB%95n&action=edit&redlink=1) ([tiếng Nam Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nam_Ph%E1%BA%A1n)*: Mahãpadãnasutta*) trong [Trường bộ kinh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_b%E1%BB%99_kinh), tương ứng với [kinh Đại bản duyên](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_%C4%90%E1%BA%A1i_b%E1%BA%A3n_duy%C3%AAn&action=edit&redlink=1) ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 大本緣經) trong [Trường a-hàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_a-h%C3%A0m), chép những danh vị Phật đầu tiên, gồm có 3 vị Phật của trang nghiêm kiếp, 3 vị Phật của hiền kiếp, cộng với Phật [Thích-ca Mâu-ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch-ca_M%C3%A2u-ni), được hợp xưng là [Bảy vị Phật quá khứ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3y_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt_qu%C3%A1_kh%E1%BB%A9) ([tiếng Nam Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nam_Ph%E1%BA%A1n)*: Saptatathāgata*, [tiếng Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n): सप्ततथागत, [chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 過去七佛, *Quá khứ Thất Phật*).[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-1) [Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_Chuy%E1%BB%83n_lu%C3%A2n_Th%C3%A1nh_v%C6%B0%C6%A1ng_S%C6%B0_t%E1%BB%AD_h%E1%BB%91ng&action=edit&redlink=1) ([tiếng Nam Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nam_Ph%E1%BA%A1n)*: Cakkavati-Sìhanàda sutta*) của Trường bộ kinh, tương ứng [kinh Chuyển luân Thánh vương tu hành](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_Chuy%E1%BB%83n_lu%C3%A2n_Th%C3%A1nh_v%C6%B0%C6%A1ng_tu_h%C3%A0nh&action=edit&redlink=1) ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 轉輪聖王修行經) trong Trường a-hàm, còn nêu thêm danh vị của Phật [Di-lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c), một vị Phật sẽ xuất hiện ở thời tương lai.[[2]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-2) Theo [kinh điển Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_%C4%91i%E1%BB%83n_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o), Di Lặc sẽ là người kế vị Phật Thích-ca, người sẽ xuất hiện trên thế gian, đạt được giác ngộ hoàn toàn và giảng Pháp thuần tịnh.



Các tín đồ Phật giáo Nam tông đang hành lễ trước hình tượng 28 vị Phật tại [chùa Sule](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%B9a_Sule&action=edit&redlink=1) ([Yangon](https://vi.wikipedia.org/wiki/Yangon), [Myanmar](https://vi.wikipedia.org/wiki/Myanmar)).

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các kinh văn của Phật giáo cũng mở rộng, ghi chép thêm nhiều danh vị Phật khác. Trong [Kinh Phật chủng tính](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_Ph%E1%BA%ADt_ch%E1%BB%A7ng_t%C3%ADnh&action=edit&redlink=1) ([tiếng Nam Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nam_Ph%E1%BA%A1n)*: Buddhavamsa*) của [Thượng tọa bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99), có chép bổ sung thêm danh tự của 21 vị Phật, cùng với 7 vị Phật quá khứ, hợp thành 28 vị Phật ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 二十八佛; *Nhị thập bát Phật*).[[3]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Morris1882-3)[[4]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-4)[[5]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-5) Kinh văn của Phật giáo Đại thừa còn bổ sung thêm nhiều tên của các vị Phật, đôi khi cho rằng đã có, và, hoặc sẽ có vô số vị Phật. Một số hệ phái [Phật giáo Bắc tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_B%E1%BA%AFc_t%C3%B4ng) lại đề cao hình tượng Tam thế Phật ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 三世佛), trong đó Phật Thích-ca giữ vị trí Phật hiện tại hoặc vị Phật ở Trung tâm. Một số hệ phái khác lại tôn sùng hình tượng Ngũ phương Phật (五方佛) hoặc Thập phương Phật (十方佛) với các danh vị và địa vị các vị Phật có ít nhiều dị biệt.



## Mục lục

* [17 vị Phật quá khứ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#7_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt_qu%C3%A1_kh%E1%BB%A9)
* [228 vị Phật toàn giác](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#28_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt_to%C3%A0n_gi%C3%A1c)
* [3Phật Di-lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#Ph%E1%BA%ADt_Di-l%E1%BA%B7c)
* [4Các hình tượng Phật toàn giác trong Phật giáo Bắc tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#C%C3%A1c_h%C3%ACnh_t%C6%B0%E1%BB%A3ng_Ph%E1%BA%ADt_to%C3%A0n_gi%C3%A1c_trong_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_B%E1%BA%AFc_t%C3%B4ng)
  + [4.1Tam thế Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#Tam_th%E1%BA%BF_Ph%E1%BA%ADt)
  + [4.2Ngũ phương Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#Ng%C5%A9_ph%C6%B0%C6%A1ng_Ph%E1%BA%ADt)
  + [4.3Thập phương Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#Th%E1%BA%ADp_ph%C6%B0%C6%A1ng_Ph%E1%BA%ADt)

## 7 vị Phật quá khứ

*Bài chi tiết:*[Bảy vị Phật quá khứ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3y_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt_qu%C3%A1_kh%E1%BB%A9)

Dưới đây là 7 vị Phật quá khứ được ghi lại theo [kinh văn Phật giáo nguyên thủy](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_v%C4%83n_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_nguy%C3%AAn_th%E1%BB%A7y&action=edit&redlink=1):

| TT | Tên Việt | Chữ Hán | [Tiếng Pāli](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_P%C4%81li)[[6]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera294-6)[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) | [Tiếng Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n) | Chủng tính | [Cội Bồ-đề](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99i_B%E1%BB%93-%C4%91%E1%BB%81)[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8)[[9]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera319-9) | Ghi chú[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | [Tỳ-bà-thi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_T%E1%BB%B3_B%C3%A0_Thi) | 毗婆尸佛 | Vipassī | Vipaśyin | [Sát-đế-lỵ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=S%C3%A1t-%C4%91%E1%BA%BF-l%E1%BB%B5&action=edit&redlink=1) |  |  |
| 2 | [Thi-khí](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Thi_Kh%C3%AD) | 尸棄佛 | Sikhī | Śikhin | Sát-đế-lỵ |  |  |
| 3 | [Tỳ-xá-bà](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_T%E1%BB%B3_X%C3%A1_Ph%C3%B9) | 毗舍婆佛 | Vessabhū | Viśvabhu | Sát-đế-lỵ |  |  |
| 4 | [Câu-lâu-tôn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_C%C3%A2u_L%C6%B0u_T%C3%B4n) | 拘留孫佛 | Kakusandha | Krakucchanda | [Bà-la-môn](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0-la-m%C3%B4n) |  |  |
| 5 | [Câu-na-hàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_C%C3%A2u_Na_H%C3%A0m_M%C3%A2u_Ni) | 拘那含佛 | Koṇāgamana | Kanakamuni | Bà-la-môn |  |  |
| 6 | [Ca-diếp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Ca_Di%E1%BA%BFp) | 迦葉佛 | Kassapa | Kāśyapa | Bà-la-môn |  |  |
| 7 | [Thích-ca Mâu-ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch-ca_M%C3%A2u-ni) | 释迦牟尼佛 | Shakyamuni | Śākyamuni | Sát-đế-lỵ |  |  |

## 28 vị Phật toàn giác

Dưới đây là 28 vị Phật toàn giác được chép trong [Kinh Phật chủng tính](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kinh_Ph%E1%BA%ADt_ch%E1%BB%A7ng_t%C3%ADnh&action=edit&redlink=1) ([tiếng Nam Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nam_Ph%E1%BA%A1n)*: Buddhavamsa*) của [Thượng tọa bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99).[[10]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-10) Theo các học giả [Jan Nattier](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Jan_Nattier&action=edit&redlink=1) và [Richard Gombrich](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Richard_Gombrich&action=edit&redlink=1), việc gia tăng danh tự các vị Phật Toàn giác có thể xem là một động thái nhằm cạnh tranh với [Kỳ-na giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BB%B3-na_gi%C3%A1o), khi Kỳ-na giáo có một tập hợp rõ ràng 24 vị đạo sư ([tiếng Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n): Tīrthaṅkara). Danh sách 28 vị Phật được cho là hoàn chỉnh vào khoảng thế kỷ thứ III hoặc thứ II trước Công nguyên trước khi tập hợp vào bộ kinh Phật chủng tính.[[11]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-%E9%99%B3-11)

|  | Pāli name[[6]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera294-6)[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) | Sanskrit name | Caste[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) | Birthplace[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) | Parents[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) | *Bodhirukka* (tree of enlightenment)[[7]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Davids1878-7)[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8)[[9]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera319-9) | Incarnation of Gautama[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Horner1975-8) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | [Taṇhaṅkara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ta%E1%B9%87ha%E1%B9%85kara&action=edit&redlink=1) | Tṛṣṇaṃkara | Kshatriya | Popphavadi | King Sunandha, and Queen Sunandhaa | Rukkaththana |  |
| 2 | [Medhaṅkara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Medha%E1%B9%85kara_Buddha&action=edit&redlink=1) | Medhaṃkara |  | Yaghara | Sudheva, and Yasodhara | Kaela |  |
| 3 | [Saraṇaṅkara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sara%E1%B9%87a%E1%B9%85kara_Buddha&action=edit&redlink=1) | Śaraṇaṃkara |  | Vipula | Sumangala, and Yasawathi | Pulila |  |
| 4 | [Dīpaṃkara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=D%C4%ABpankara_Buddha&action=edit&redlink=1) | Dīpaṃkara | Brahmin | Rammawatinagara | Sudheva, and Sumedhaya | Pipphala | Sumedha (also Sumati or Megha Mānava, a rich Brahman)[[12]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Ghosh1987-12) |
| 5 | [Koṇḍañña](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kaundinya_Buddha&action=edit&redlink=1) | Kauṇḍinya | Kshatriya | Rammawatinagara | Sunanda, and Sujata | Salakalyana | Vijitawi (a Chakravarti in Chandawatinagara of Majjhimadesa) |
| 6 | [Maṅgala](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ma%E1%B9%85gala_Buddha&action=edit&redlink=1) | Maṃgala | Brahmin[[13]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-BealChIII-13) | Uttaranagara (Majhimmadesa) | Uttara, and Uttara | a naga | Suruchi (in Siribrahmano) |
| 7 | [Sumana](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sumana_Buddha&action=edit&redlink=1) | Sumanas | Kshatriya[[13]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-BealChIII-13) | Mekhalanagara | Sudassana and Sirima | a naga | King Atulo, a Naga |
| 8 | [Revata](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Revata_Buddha&action=edit&redlink=1)[[14]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera754-14) | Raivata | Brahmin[[13]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-BealChIII-13) | Sudhannawatinagara | Vipala and Vipula | a naga | A Veda-versed Brahman |
| 9 | [Sobhita](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sobhita_Buddha&action=edit&redlink=1) | Śobhita | Kshatriya[[13]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-BealChIII-13) | Sudhammanagara | Sudhammanagara (father) and Sudhammanagara (mother) | a naga | Sujata, a Brahman (in Rammavati) |
| 10 | [Anomadassi](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Anomadassi_Buddha&action=edit&redlink=1) | Anavamadarśin | Brahmin[[13]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-BealChIII-13) | Chandawatinagara | Yasava and Yasodara | ajjuna | A Yaksha king |
| 11 | [Paduma](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Paduma_Buddha&action=edit&redlink=1)[[15]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera131-15) | Padma | Kshatriya[[13]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-BealChIII-13) | Champayanagara | Asama, and Asama | salala | A lion |
| 12 | [Nārada](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=N%C4%81rada_Buddha&action=edit&redlink=1) | Nārada |  | Dhammawatinagara | King Sudheva and Anopama | sonaka | a tapaso in Himalayas |
| 13 | [Padumuttara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Padumuttara_Buddha&action=edit&redlink=1)[[16]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera136-16) | Padmottara | Kshatriya | Hansawatinagara | Anurula, and Sujata | salala | Jatilo an ascetic |
| 14 | [Sumedha](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sumedha_Buddha&action=edit&redlink=1) | Sumedha | Kshatriya | Sudasananagara | Sumedha (father), and Sumedha (mother) | nipa | Native of Uttaro |
| 15 | [Sujāta](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Suj%C4%81ta_Buddha&action=edit&redlink=1) | Sujāta |  | Sumangalanagara | Uggata, and Pabbavati | welu | a chakravarti |
| 16 | [Piyadassi](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Piyadassi_Buddha&action=edit&redlink=1)[[17]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera207-17) | Priyadarśin |  | Sudannanagara | Sudata, and Subaddha | kakudha | Kassapa, a Brahmin (at Siriwattanagara) |
| 17 | [Atthadassi](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Atthadassi_Buddha&action=edit&redlink=1) | Arthadarśin | Kshatriya | Sonanagara | Sagara and Sudassana | champa | Susino, a Brahman |
| 18 | [Dhammadassī](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Dhammadass%C4%AB_Buddha&action=edit&redlink=1) | Dharmadarśin | Kshatriya | Surananagara | Suranamaha, and Sunanada | bimbajala | Indra, the leader of the gods (devas) |
| 19 | [Siddhattha](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Siddhattha_Buddha&action=edit&redlink=1) | Siddhārtha |  | Vibharanagara | Udeni, and Suphasa | kanihani | Mangal, a Brahman |
| 20 | [Tissa](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tissa_Buddha&action=edit&redlink=1) | Tiṣya |  | Khemanagara | Janasando, and Paduma | assana | King Sujata of Yasawatinagara |
| 21 | [Phussa](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Phussa_Buddha&action=edit&redlink=1)[[18]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Malalasekera257-18) | Puṣya | Kshatriya | [Kāśi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Varanasi) | Jayasena, and Siremaya | amalaka | Vijitavi |
| 22 | [Vipassī](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vipass%C4%AB_Buddha&action=edit&redlink=1) | Vipaśyin | Kshatriya | Bandhuvatinagara | Vipassi (father), and Vipassi (mother) | patali | King Atula |
| 23 | [Sikhī](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sikh%C4%AB_Buddha&action=edit&redlink=1) | Śikhin | Kshatriya | Arunavattinagara | Arunavatti, and Paphavatti | pundariko | Arindamo (at Paribhuttanagara) |
| 24 | [Vessabhū](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vessabh%C5%AB_Buddha&action=edit&redlink=1) | Viśvabhū | Kshatriya | Anupamanagara | Suppalittha, and Yashavati | sala | Sadassana (in Sarabhavatinagara) |
| 25 | [Kakusandha](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kakusandha_Buddha&action=edit&redlink=1) | Krakucchanda | Brahmin | [Khemavatinagara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gotihawa&action=edit&redlink=1) | Agidatta the purohitta Brahman of King Khema, and Visakha | airisa | King Khema[[19]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-jatakaonline-19) |
| 26 | [Koṇāgamana](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ko%E1%B9%87%C4%81gamana_Buddha&action=edit&redlink=1) | Kanakamuni | Brahmin[[20]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Barua2008-20) | [Sobhavatinagara](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nigalihawa&action=edit&redlink=1) | Yannadatta the Brahman, and Uttara | udumbara | King Pabbata of a mountainous area in Mithila |
| 27 | [Kassapa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kassapa_Buddha)[[21]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-Cunningham1880-21) | Kāśyapa | Brahmin | [Baranasinagara](https://vi.wikipedia.org/wiki/Varanasi) | Brahmadatta a Brahman, and Dhanavati | nigroda | Jotipala (at Vappulla) |
| 28 | [Gotama (current)](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sakyamuni_Buddha&action=edit&redlink=1) | [Gautama (current)](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sakyamuni_Buddha&action=edit&redlink=1) | Kshatriya | [Lumbini](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lumbini) | [King Suddhodana](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C5%9Auddhodana), and [Maya](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Maya_(mother_of_Buddha)&action=edit&redlink=1) | Asatu Bodhi | Gautama, the Buddha |  |

Đức Thích Ca Mâu Ni giảng giải cho Tôn giả [Xá Lợi Phất](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A1_L%E1%BB%A3i_Ph%E1%BA%A5t) rằng: tính từ cách đây 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp(Kalpa) đến nay, đã có 28 Đức Phật tổ đã ra đời giáo hóa chúng sinh.

* Cách đây 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 4 vị phật là Taṇhaṅkara, Medhaṅkara, Saraṇaṅkara, và Dīpaṅkara ra đời. Trong đó, Dīpaṅkara ([Nhiên Đăng Cổ Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt)) là vị Phật đầu tiên đã thọ ký cho tu sĩ Sumedha (chính là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni) sẽ thành Phật trong ngày vị lai
* Cách đây 3 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, đã có 1 vị Phật tên là Koṇḍañña (Kiều-Trần-Như) ra đời.
* Cách đây 2 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 4 vị Phật tên là Maṅgala (Man-Giá-La), Sumana (Tu-ma-na), Revata (Ly-Bà-Ða), và Sobhita (Tô-Tỳ-Đa) ra đời.
* Cách đây 1 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 3 vị Phật tên là Anomadassī ̣, Paduma, và Nārada ra đời.
* Cách đây 100 ngàn đại kiếp, đã có 1 vị Phật tên là [Padumuttara](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Padumuttara) (Bạch-Liên-Hoa) ra đời.
* Cách đây 30 ngàn đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 2 vị Phật tên là Sumedha (Thiện Tuệ) và Sujāta (Thiện Sinh) ra đời.
* Cách đây 1.800 đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 3 vị Phật tên là Piyadassī (Hỷ Kiến), Atthadassī (Lợi Kiến), và Dhammadassī (Pháp Kiến) ra đời.
* Cách đây 94 đại kiếp, đã có 1 vị Phật tên là Siddhattha (Tất Đạt Đa) ra đời.
* Cách đây 92 đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 2 vị Phật tên là Tissa (Đế Sa) và Phussa (Phất Sa) ra đời.
* Cách đây 91 đại kiếp, đã có 1 vị Phật tên là Vipassī ([Phật Tỳ Bà Thi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_T%E1%BB%B3_B%C3%A0_Thi)) ra đời.
* Cách đây 31 đại kiếp, trong cùng 1 kiếp, đã có 2 vị Phật tên là Sikhī (Phật Thi Khí) và Vessabhū (Phật Tỳ Xá Phù) ra đời.
* Trong kiếp (Kalpa) này, đã có 4 vị Phật tên là Kakusandha ([Phật Câu Lưu Tôn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_C%C3%A2u_L%C6%B0u_T%C3%B4n)), Konāgamana ([Phật Câu Na Hàm Mâu Ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_C%C3%A2u_Na_H%C3%A0m_M%C3%A2u_Ni)), Kassapa ([Phật Ca Diếp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Ca_Di%E1%BA%BFp)), Gotama (chính là Phật [Thích Ca Mâu Ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch_Ca_M%C3%A2u_Ni) mà hiện nay nhân loại đang thờ cúng) ra đời. Cũng trong kiếp này, nhiều triệu năm sau sẽ có vị Phật thứ 5 ra đời là Metteyya ([Phật Di Lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Di_L%E1%BA%B7c)).

Không có kiếp nào có nhiều hơn 5 vị Phật cùng giáng sinh. Có những giai đoạn kéo dài cả 1 A-tăng-kỳ đại kiếp trái đất mà không có vị Phật nào ra đời. Khoảng cách ra đời giữa các vị Phật trong cùng 1 kiếp cũng phải kéo dài tới hàng triệu, hàng tỷ năm (do một kiếp Trái Đất kéo dài hàng tỷ, hàng chục tỷ năm). Như vậy, cơ hội để chúng sinh được nghe hoặc đọc Chính Pháp do một vị Phật thuyết giảng là vô cùng nhỏ nhoi và vô cùng quý báu.

Đức Phật hiện tại là THÍCH CA MÂU NI, trước khi niết bàn đã thuyết.Tất cả các Vị Phật trên nối tiếp nhau ra đời. Khi giáo pháp của đức Phật trước kết thúc, thì đức Phật kế tiếp sẽ xuất hiện. và Vị Phật kế tiếp sẽ là Phật Di lặc. Khi Phật DI LẶC xuất hiện sẽ thuyết cho chúng ta vị Phât ở tương lai sau Phật Di Lặc. Cứ như vậy...Tuy nhiên không phải kiếp nào cũng có Phật toàn giác. Kiếp nào Phật toàn giác chưa xuất hiện thì sẽ có Phật Bích Chi xuất hiện.

## Phật Di-lặc

*Bài chi tiết:*[Di Lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di_L%E1%BA%B7c) *xem chi tiết trên Wikipedia*

Phật Di-lặc ([tiếng Nam Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nam_Ph%E1%BA%A1n): Metteyya, [tiếng Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n): Maitreya) giữ một vị trí đặc biệt trong văn hóa Phật giáo dù Ngài chỉ xuất hiện trong tương lai.[[22]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-22)[[23]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-VipassanaMetteyya-23)

## Các hình tượng Phật toàn giác trong Phật giáo Bắc tông

### Tam thế Phật

1. Quá khứ [Nhiên Đăng Cổ Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt)
2. Hiện tại [Thích-ca Mâu-ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch-ca_M%C3%A2u-ni) Phật
3. Vị lai [Di-lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c) Phật

### Ngũ phương Phật[[**sửa**](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt&veaction=edit&section=6) | [**sửa mã nguồn**](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt&action=edit&section=6)]

-Trung ương thế giới [Tỳ Lô Giá Na Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Nh%E1%BA%ADt_Nh%C6%B0_Lai)

-Đông phương thế giới A Súc Bệ Phật

-Tây phương thế giới [A Di Đà Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/A-di-%C4%91%C3%A0)

-Nam phương thế giới Bảo Sinh Phật

-Bắc phương thế giới Thành Tựu Phật

### Thập phương Phật[[**sửa**](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt&veaction=edit&section=7) | [**sửa mã nguồn**](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt&action=edit&section=7)]

## Xem thêm

* [Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) (*Buddha*)

## Chú thích

* 1. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-1) 黃開國,李剛,陳兵等 主編 (1999). “七佛”. *諸子百家大辭典*. 成都: 四川人民出版社. [ISBN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISBN) [7-220-04869-6](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t:Ngu%E1%BB%93n_s%C3%A1ch/7-220-04869-6).
  2. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-2) [“Cakkavatti Sutta: The Wheel-turning Emperor”](https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/dn/dn.26.0.than.html). *Access To Insight*.
  3. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Morris1882_3-0) [Morris, R](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Richard_Morris_(philology)&action=edit&redlink=1) biên tập (1882). “XXVII: List of the Buddhas”. *The Buddhavamsa*. London: Pali Text Society. tr. 66–7.
  4. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-4) A textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikaya – Oliver Abeynayake Ph. D. , Colombo, First Edition – 1984, p. 113.
  5. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-5) Horner, IB, ed. (1975). The minor anthologies of the Pali canon. Volume III: Buddhavaṁsa (Chronicle of Buddhas) and Cariyāpiṭaka (Basket of Conduct). London: Pali Text Society. [ISBN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISBN) [0-86013-072-X](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t:Ngu%E1%BB%93n_s%C3%A1ch/0-86013-072-X).
  6. ^ [a](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera294_6-0) [ă](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera294_6-1) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Buddha*, pp. 294-305
  7. ^ [a](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-0) [ă](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-1) [â](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-2) [b](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-3) [c](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-4) [d](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-5) [đ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Davids1878_7-6) [Davids, TWR](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thomas_William_Rhys_Davids&action=edit&redlink=1); Davids, R (1878). “The successive bodhisats in the times of the previous Buddhas”. [Buddhist birth-stories; Jataka tales. The commentarial introduction entitled Nidana-Katha; the story of the lineage](https://archive.org/stream/buddhistbirth00daviuoft#page/n132/mode/1up). London: George Routledge & Sons. tr. 115–44.
  8. ^ [a](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-0) [ă](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-1) [â](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-2) [b](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-3) [c](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-4) [d](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-5) [đ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-6) [e](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-7) [ê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Horner1975_8-8) [Horner, IB](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Isaline_Blew_Horner&action=edit&redlink=1) biên tập (1975). *The minor anthologies of the Pali canon. Volume III: Buddhavaṁsa (Chronicle of Buddhas) and Cariyāpiṭaka (Basket of Conduct)*. London: [Pali Text Society](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Pali_Text_Society&action=edit&redlink=1). [ISBN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISBN) [0-86013-072-X](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t:Ngu%E1%BB%93n_s%C3%A1ch/0-86013-072-X).
  9. ^ [a](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera319_9-0) [ă](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera319_9-1) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Bodhirukka*, p. 319
  10. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-10) [南傳上座部佛教二十八佛相關經典](http://www.theravadins.org/article/other-article)，法增比丘汉译
  11. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-%E9%99%B3_11-0) 陳莉娜 (2016). [巴利語《佛史》研究](http://hdl.handle.net/11296/am3p7b). 法鼓文理學院.
  12. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Ghosh1987_12-0) Ghosh, B (1987). [“Buddha Dīpankara: twentyfourth predecessor of Gautama”](http://himalaya.socanth.cam.ac.uk/collections/journals/bot/pdf/bot_1987_02_03.pdf) (PDF). *Bulletin of Tibetology*. 11 (new series) (2): 33–8. [ISSN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISSN) [0525-1516](https://www.worldcat.org/issn/0525-1516).
  13. ^ [a](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-BealChIII_13-0) [ă](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-BealChIII_13-1) [â](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-BealChIII_13-2) [b](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-BealChIII_13-3) [c](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-BealChIII_13-4) [d](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-BealChIII_13-5) [Beal (1875)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refBeal1875), Beal S, *Chapter III: Exciting to religious sentiment*, pp. 10-17
  14. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera754_14-0) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Revata*, pp. 754-5
  15. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera131_15-0) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Paduma*, p. 131
  16. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera136_16-0) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Padumuttara*, pp. 136-7
  17. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera207_17-0) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Piyadassi*, p. 207
  18. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Malalasekera257_18-0) [Malalasekera (2007)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#refMalalasekera2007), *Phussa*, p. 257
  19. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-jatakaonline_19-0) [Prophecies of Kakusandha Buddha, Konagamana Buddha and Kassapa Buddha](http://www.jatakaonline.com/jataka-tales/00110-prophecies-of-kakusandha-buddha-konagamana-buddha-and-kassapa-buddha) [Lưu trữ](https://web.archive.org/web/20110713091317/http:/www.jatakaonline.com/jataka-tales/00110-prophecies-of-kakusandha-buddha-konagamana-buddha-and-kassapa-buddha) 2011-07-13 tại [Wayback Machine](https://vi.wikipedia.org/wiki/Wayback_Machine).
  20. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Barua2008_20-0) Barua, A (2008). *Dīgha-Nikāya: romanize Pāli text with English translation* 2 (ấn bản 1). Delhi, India: New Bharatiya Book Corporation. tr. 6. [ISBN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISBN) [81-8315-096-9](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t:Ngu%E1%BB%93n_s%C3%A1ch/81-8315-096-9).
  21. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-Cunningham1880_21-0) [Cunningham, A](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Alexander_Cunningham&action=edit&redlink=1) (1880). “XVIII: Tandwa”. [Report of Tours in the Gangetic Provinces from Badaon to Bihar, in 1875-76 and 1877-78](https://archive.org/stream/reporttoursinga00cunngoog#page/n80/mode/1up). Calcutta, India: Office of the Superintendent of Government Printing. tr. 70–8.
  22. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-22) [“Cakkavatti Sutta: The Wheel-turning Emperor”](https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/dn/dn.26.0.than.html). *www.accesstoinsight.org*.
  23. [^](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt#cite_ref-VipassanaMetteyya_23-0) Vipassana.info, [Pali Proper Names Dictionary: Metteyya](http://www.vipassana.info/me_mu/metteyya.htm)

## Tham khảo[[**sửa**](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt&veaction=edit&section=10) | [**sửa mã nguồn**](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Danh_v%E1%BB%8B_Ph%E1%BA%ADt&action=edit&section=10)]

* [Beal, S](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Samuel_Beal&action=edit&redlink=1) (1875). [The romantic legend of Sâkya Buddha: from the Chinese-Sanscrit](https://archive.org/stream/cu31924023164209#page/n5/mode/2up). London: Trubner & Company, Ludgate Hill.
* [Malalasekera, GP](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gunapala_Piyasena_Malalasekera&action=edit&redlink=1) (2007). [Dictionary of Pāli proper names](https://books.google.com/books?id=8Au_lIP1ZnQC&printsec=frontcover&dq=inauthor:%22Gunapala+Piyasena+Malalasekera%22#v=onepage&q&f=false). Delhi, India: Motilal Banarsidass Publishers Private Limited. [ISBN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISBN) [978-81-208-3020-2](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t:Ngu%E1%BB%93n_s%C3%A1ch/978-81-208-3020-2).
* Buswell Jr., RE; Lopez Jr., DS (2014). [The Princeton Dictionary of Buddhism](https://books.google.com/books?id=DXN2AAAAQBAJ&pg=PA106&lpg=PA106&dq=Buddhas+of+the+present+kalpa#v=onepage&q=Buddhas%20of%20the%20present%20kalpa&f=false) (ấn bản 1). Princeton, New Jersey: Princeton University Press. tr. 106, 776. [ISBN](https://vi.wikipedia.org/wiki/ISBN) [978-0-691-15786-3](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t:Ngu%E1%BB%93n_s%C3%A1ch/978-0-691-15786-3).
* [Law, BC](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Bimala_Churn_Law&action=edit&redlink=1) biên tập (1938). “The lineage of the Buddhas”. *The Minor Anthologies of the Pali Canon: Buddhavaṃsa, the lineage of the Buddhas, and Cariyā-Piṭaka or the collection of ways of conduct* (ấn bản 1). London: Milford.
* Takin, MV biên tập (1969). “The lineage of the Buddhas”. *The Genealogy of the Buddhas* (ấn bản 1). Bombay: Bombay University Publications.
* [Vicittasarabivamsa, U](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Mingun_Sayadaw&action=edit&redlink=1) (1992). “Chapter IX: The chronicle of twenty-four Buddhas”. Trong Ko Lay, U; Tin Lwin, U. [The great chronicle of Buddhas, Volume One, Part Two](http://www.dhammatalks.net/Books14/Mingun_Sayadaw-The_Great_Chronicle_of_Buddhas_Vol-1_Part-2.pdf) (PDF) (ấn bản 1). Yangon, Myanmar: Ti=Ni Publishing Center. tr. 130–321.

# Nhiên Đăng Cổ Phật

|  |  |
| --- | --- |
| Nhiên Đăng Cổ Phật | |
| Sa-môn Sumedha đảnh lễ Cổ Phật Nhiên Đăng | |
| [Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n) | Dīpankara |
| [Pali](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Pali) | Dīpamkara |
| [Miến Điện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Mi%E1%BA%BFn_%C4%90i%E1%BB%87n) | ဒီပင်္ကရာ ([dìpɪ̀ɴkəɹà]) |
| [Trung](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Trung_Qu%E1%BB%91c) | 燃燈佛 (Rándēng Fo) |
| [Mông Cổ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_M%C3%B4ng_C%E1%BB%95) | ᠵᠣᠯᠠ ᠢᠢᠨ ᠵᠥᠬᠢᠶᠠᠭᠴᠢ᠂ ᠳᠢᠸᠠᠩ᠋ᠭᠠᠷ; Зулын Зохиогч, Дивангар; Zula yin Zohiyagci, Divangar |
| [Thái](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Th%C3%A1i) | พระทีปังกรพุทธเจ้า |
| [Tây Tạng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ti%E1%BA%BFng_T%E1%BA%A1ng_c%E1%BB%95_%C4%91i%E1%BB%83n&action=edit&redlink=1) | mar me mdzad |
| [Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t) | Nhiên Đăng Phật |
| Thông tin | |
| Tôn kính bởi | [Phật giáo Nam Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Nam_T%C3%B4ng), [Phật giáo Bắc Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa), [Kim cương thừa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%ABa) |
| Thuộc tính | Causer of Light |
| Tiền nhiệm | [Phật Saraṇaṃkaraa](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_Sara%E1%B9%87a%E1%B9%83karaa&action=edit&redlink=1) |
| Kế nhiệm | [Phật Kaundinya](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_Kaundinya&action=edit&redlink=1) |
| [Chủ đề Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_%C4%91%E1%BB%81:Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o) | |



Tượng Nhiên Đăng Cổ Phật tại [Kathmandu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kathmandu), [Nepal](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nepal).

*Nhiên Đăng Cổ Phật* (tiếng Phạn là *Dipankara* hay *Dipanikara*) là vị Phật thứ tư trong danh sách 28 vị Phật. *Nhiên* - một từ Hán-Việt - nghĩa đốt cháy, *Đăng* là cây đèn. *Nhiên Đăng Cổ Phật* cũng có khi được gọi Nhiên Đăng Phật (燃燈仏), Đính Quang Phật (錠光, "Đính" là cái chân đèn).

Trong [Đại trí độ luận](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_tr%C3%AD_%C4%91%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADn&action=edit&redlink=1), đức Nhiên Đăng Cổ Phật khi đản sinh, chung quanh thân sáng như đèn, cho nên gọi là Nhiên Đăng Thái tử. Khi thành Phật cũng gọi là Nhiên Đăng, xưa gọi tên là Đính Quang Phật. Ở các chùa [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) và [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), Nhiên Đăng Cổ Phật thường được thờ chung với [Phật Thích-ca Mâu-ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m) và [Phật Di-lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c) trong bộ tượng *Tam thế Phật*, nghĩa là các vị Phật thời quá khứ, hiện tại và vị lai (trong đó Phật Nhiên Đăng đại diện cho chư Phật trong quá khứ, Phật Thích-ca là vị Phật thời hiện tại và Phật Di-lặc tượng trưng cho chư Phật thời vị lai).[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt#cite_note-1)



## Mục lục

* [1Truyền thuyết](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt#Truy%E1%BB%81n_thuy%E1%BA%BFt)
* [2Tượng Phật Nhiên Đăng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt#T%C6%B0%E1%BB%A3ng_Ph%E1%BA%ADt_Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng)
* [3Ngày tưởng nhớ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt#Ng%C3%A0y_t%C6%B0%E1%BB%9Fng_nh%E1%BB%9B)
* [4Xem thêm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt#Xem_th%C3%AAm)
* [5Tham khảo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt#Tham_kh%E1%BA%A3o)

## Truyền thuyết

Nhiên Ðăng Cổ Phật từng sống cách thời đại chúng ta 4 a tăng kì kiếp trái đất (A tăng kỳ nghĩa là nhiều đến mức "bất khả tư nghị", không thể tưởng tượng hoặc đếm được). Ðức Phật này là vị đầu tiên trong số 24 vị Phật đã thọ ký cho các tiền thân của đức Phật [Thích-ca Mâu-ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch-ca_M%C3%A2u-ni).

Kinh Phật ghi rằng dưới thời Nhiên Ðăng Cổ Phật thì đức Thích-ca là một vị [Bà-la-môn](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0-la-m%C3%B4n) vô cùng giàu có đã phân phát hết tài sản của mình và quy ẩn, có tên là Thiện Tuệ (s: Sumedha). Với túc mạng thông, Nhiên Ðăng Cổ Phật nhận ra Thiện Tuệ sau vô số kiếp luân hồi sẽ trở thành Phật dưới tên Cồ-đàm (Gautama) và thọ ký cho Thiện Tuệ. Phật Nhiên Ðăng được xem là vị Phật quan trọng nhất trong các vị trước Thích-ca. Ngài là vị đại diện cho Phật quá khứ tương tự như trường hợp [Di-lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c) được xem là đại diện cho Phật vị lai.

Theo truyền thuyết, thân Phật Nhiên Ðăng cao "80 trượng", giáo hóa 84.000 vị A-la-hán, Ngài sống 100.000 năm. Tháp đựng [xá-lị](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A1-l%E1%BB%8B) Phật Nhiên Ðăng cao 36 do-tuần (15–20 km).

## Tượng Phật Nhiên Đăng

Theo [Từ điển Phật Học](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%AB_%C4%91i%E1%BB%83n_Ph%E1%BA%ADt_H%E1%BB%8Dc&action=edit&redlink=1) Việt Nam: Đức Phật Thích Ca có một tiền kiếp là tu sĩ Sumedha (Thiện Tuệ, hoặc Thiện Tuệ). Thiện Tuệ từng gặp và cúng hoa cho Đức Phật Nhiên Đăng. Thiện Tuệ mua hoa ấy từ một cô gái bán hoa với giá rất đắt. Cô gái hỏi vì sao Thiện Tuệ lại chịu mua với giá đắt như vậy? Thiện Tuệ trả lời là mua hoa để cúng Phật Nhiên Đăng. Cô gái liền tặng không bó hoa với lời nguyện là cô với Thiện Tuệ sẽ kết duyên vợ chồng trong các kiếp sau, còn Thiện Tuệ nguyện rằng sẽ tu thành Phật trong tương lai. Phật Nhiên Đăng thọ ký cho cả hai người. Sa môn Thiện Tuệ là tiền thân của Phật Thích Ca, cô gái bán hoa là tiền thân của Công chúa Gia Du Đà La (người vợ của Phật Thích Ca trước khi ngài xuất gia đi tu).

Theo Phật học Từ điển của Đoàn Trung Còn: Trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, phẩm Tự có tích này: Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh khi còn ở Hoàng Cung, có sinh ra 8 vị Vương tử: Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bảo Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hưởng Ý, Pháp Ý. Khi Ngài xuất gia tu hành thành Phật thì 8 vị Vương tử ấy đều theo cha mà tu trì Phạm hạnh. Tám vị ấy đều lần lượt thành Phật, và vị sau rốt thành Phật hiệu là Nhiên Đăng.

Phật Nhiên Đăng có thọ ký cho Thiện Tuệ Bồ Tát, phán rằng, về sau Thiện Tuệ sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh, Phật phán với tôn giả A Nan rằng: Về đời quá khứ, thuở xưa cách nay lâu xa vô lượng, chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc được là bao nhiêu kiếp, Đức Đính Quang Như Lai (Phật Nhiên Đăng) xuất hiện ở thế, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sinh đều cho đắc đạo, rồi Ngài mới vào [Niết Bàn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ni%E1%BA%BFt_B%C3%A0n).

## Ngày tưởng nhớ

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật có 3 ngày vía (không rõ ý nghĩa của 2 ngày vía 6.1 và 15.3 âm lịch)

1. 6.1 âm lịch – Vía Đức Nhiên Đăng Cổ Phật
2. 15.3 âm lịch – Vía Đức Nhiên Đăng Cổ Phật
3. 22.8 âm lịch – Vía Đức Nhiên Đăng Cổ Phật đản sinh

## Xem thêm

* [Phật Tỳ Bà Thi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_T%E1%BB%B3_B%C3%A0_Thi) (hay Phật Bỳ Lư Thi, Vipasyin)
* [Phật Thi Khí](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Thi_Kh%C3%AD) (Sikhin)
* [Phật Tỳ Xá Phù](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_T%E1%BB%B3_X%C3%A1_Ph%C3%B9) (hay Phật Tỳ Xá Bà, Visvabhu)
* [Phật Câu Lưu Tôn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_C%C3%A2u_L%C6%B0u_T%C3%B4n) (hay Phật Câu Lâu Tôn, Krakucchanda)
* [Phật Câu Na Hàm Mâu Ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_C%C3%A2u_Na_H%C3%A0m_M%C3%A2u_Ni) (Kanakamuni)
* [Phật Ca Diếp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Ca_Di%E1%BA%BFp) (Kasyapa)
* [Phật Thích Ca Mâu Ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Th%C3%ADch_Ca_M%C3%A2u_Ni) (Siddhārtha Gautama hay Shakyamuni)
* [Phật Di Lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Di_L%E1%BA%B7c) (sa. *maitreya*, pi. *metteyya*)



Tượng Di Lặc, Viện bảo tàng Patan, [Kathmandu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kathmandu)



Phật tương lai Di Lặc (ở giữa), [Gandhara](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gandhara), thế kỷ thứ 3



Tượng đồng [Bồ tát](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93_t%C3%A1t) [Phật Di lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di_L%E1%BA%B7c) trầm ngâm, khoảng thế kỷ thứ 7. Hiện vật nằm trong danh sách [quốc bảo của Hàn Quốc](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%E1%BB%91c_b%E1%BA%A3o_c%E1%BB%A7a_H%C3%A0n_Qu%E1%BB%91c&action=edit&redlink=1).

Di-lặc hay Di Lặc (zh. 彌勒, sa. *maitreya*, pi. *metteyya* là cách phiên âm, dịch nghĩa là Từ Thị (慈氏), "người có lòng từ", cũng có thuyết có tên là Vô Năng Thắng (zh. 無能勝, sa. *ajita*), phiên âm Hán-Việt là A-dật-đa, là một vị [Bồ Tát](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93_T%C3%A1t) trong quan niệm Phật giáo.

Trong [Phật giáo Tây Tạng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_T%C3%A2y_T%E1%BA%A1ng), Di-lặc được thờ cúng rất rộng rãi. Trong [Phật giáo Trung Hoa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Trung_Hoa), từ thế kỷ 10, hòa thượng [Bố Đại](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%91_%C4%90%E1%BA%A1i) được xem là hiện thân của Di Lặc.



## Mục lục

* [1Truyền thuyết và kinh điển](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c#Truy%E1%BB%81n_thuy%E1%BA%BFt_v%C3%A0_kinh_%C4%91i%E1%BB%83n)
* [2Nguồn gốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c#Ngu%E1%BB%93n_g%E1%BB%91c)
* [3Hình tượng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c#H%C3%ACnh_t%C6%B0%E1%BB%A3ng)
* [4Hình ảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c#H%C3%ACnh_%E1%BA%A3nh)
  + [4.1Theo Phật giáo Nguyên thủy và Nam Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c#Theo_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Nguy%C3%AAn_th%E1%BB%A7y_v%C3%A0_Nam_T%C3%B4ng)
  + [4.2Theo Bắc Tông và ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di-l%E1%BA%B7c#Theo_B%E1%BA%AFc_T%C3%B4ng_v%C3%A0_%E1%BA%A3nh_h%C6%B0%E1%BB%9Fng_c%E1%BB%A7a_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Trung_Hoa)

## Truyền thuyết và kinh điển

Theo kinh điển Phật giáo, Di Lặc là vị [Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) sẽ xuất hiện trên Trái Đất, đạt được giác ngộ hoàn toàn, giảng dạy Phật Pháp, giáo hóa chúng sinh, và chứng ngộ thành Phật. Phật Di Lặc sẽ là vị Phật kế tiếp Đức Phật lịch sử [Thích Ca Mâu Ni](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m). Cõi giáo hóa của Bồ Tát hiện nay là nội viên của cõi trời Đâu-suất (sa. tuṣita). Bồ Tát Di-lặc được tiên tri sẽ giáng sinh trong kiếp giảm của [tiểu kiếp](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ti%E1%BB%83u_ki%E1%BA%BFp&action=edit&redlink=1) kế tiếp, khi nhân thọ là 80.000 năm, tức khoảng hàng trăm triệu năm nữa theo năm Trái Đất, khi Phật Pháp đã hoàn toàn bị loài người lãng quên.

Sự tích về Phật Di Lặc được tìm thấy trong các tài liệu kinh điển của tất cả các tông phái Phật giáo ([Nguyên thủy](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Nguy%C3%AAn_th%E1%BB%A7y), [Đại thừa](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa), [Kim cương thừa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%ABa)), và được chấp nhận bởi hầu hết các Phật tử như là một sự kiện sẽ diễn ra khi Phật Pháp đã bị lãng quên trên Trái Đất, và Bồ Tát Di-lặc sẽ là bậc giác ngộ Pháp và thuyết lại cho chúng sinh, tương tự như những vị Phật lịch sử đã làm trong quá khứ.

Nếu năm đức Phật xuất hiện trên Trái Đất được xem là hóa thân của [Ngũ Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C5%A9_Ph%E1%BA%ADt) thì Bồ Tát Di-lặc được xem như hóa thân của Thành sở tác trí (xem [Phật gia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o), [Ngũ trí](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C5%A9_tr%C3%AD)).

Có thuyết cho rằng, chính Bồ Tát Di-lặc là người khởi xướng hệ phái [Duy thức](https://vi.wikipedia.org/wiki/Duy_th%E1%BB%A9c) của [Đại thừa](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa). Một số học giả cho rằng, vị này chính là [Maitreyanātha](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Maitreya-n%C4%81tha&action=edit&redlink=1) (sa. *Maitreya-nātha*), thầy truyền giáo lý Duy thức cho [Vô Trước](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_Tr%C6%B0%E1%BB%9Bc) (sa. *asaṅga*). Truyền thống [Phật giáo Tây Tạng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_T%C3%A2y_T%E1%BA%A1ng) cho rằng, Ngài là tác giả của năm bài luận, được gọi là Di Lặc (Từ Thị) ngũ luận:

1. *Đại thừa tối thượng luận* hoặc [Cứu cánh nhất thừa bảo tính luận](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%E1%BB%A9u_c%C3%A1nh_nh%E1%BA%A5t_th%E1%BB%ABa_b%E1%BA%A3o_t%C3%ADnh_lu%E1%BA%ADn&action=edit&redlink=1) (sa. *mahāyānottaratantra*)
2. *Pháp pháp tính phân biệt luận* (sa. *dharmadharmatāvibaṅga*)
3. *Trung biên phân biệt luận* (sa. *madhyāntavibhāga-śāstra*)
4. *Hiện quán trang nghiêm luận* (sa. *abhisamayālaṅkāra*)
5. *Đại thừa kinh trang nghiêm luận* (sa. *mahāyānasūtralaṅkāra*)

Như đã nêu ở trên, Phật Di Lăc chỉ giáng sinh sau một thời gian rất dài về sau, khi Phật Pháp đã hoàn toàn bị loài người lãng quên. Theo kinh Pháp Diệt Tận, Phật Thích Ca đã nói rằng từ thời điểm đó tới lúc Bồ Tát Di Lặc thành Phật là rất lâu xa, phải khoảng chừng 10 triệu năm. Tuy nhiên trong quá khứ, một số người đã tự xưng mình là Phật Di Lặc giáng thế để thực hiện các mưu đồ chính trị. Năm 689, [Võ Tắc Thiên](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B5_T%E1%BA%AFc_Thi%C3%AAn) đã hạ lệnh cho Pháp Lãng ngụy tạo Đại Vân Kinh, cho rằng Võ Hậu là Di-lặc hạ sinh. Khoảng năm 713-755, Vương Hoài Cổ cũng tự xưng là Tân Phật (Phật Di-lặc) rồi khởi binh làm loạn. Năm 1022-1063 đời Bắc Tống, Vương Túc thống lãnh giáo đồ Di-lặc làm phản ở Bối Châu...

Ở Việt Nam, giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương cho rằng Bồ Tát Di Lặc sắp giáng sinh ngay ở Việt Nam.

## Nguồn gốc

Tên Từ Thị (*Maitreya* trong [tiếng Phạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n), hay là *Metteyya* trong [tiếng Pāli](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_P%C4%81li)) xuất phát từ truyền thuyết: vì muốn giáo hóa các chúng sinh nên từ lúc mới phát tâm, Ngài đã không ăn thịt chúng sinh. Còn theo [Đại Nhật Kinh Sớ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Nh%E1%BA%ADt_kinh), Từ Thị nghĩa là chủng tính từ bi, gồm hai chữ: *Từ* trong [Tứ vô lượng tâm](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_v%C3%B4_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%C3%A2m) (Từ, Bi, Hỷ, Xả) của Phật, *Thị* là chủng, họ, tộc, do lòng Từ đó sinh ra từ chủng tính Như Lai, có năng lực làm cho tất cả thế gian không đoạn dứt Phật chủng.

Còn theo phẩm Tùy Hỷ trong [Kinh Pháp Hoa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_hoa_kinh) và Kinh Bình Đẳng Giác, Di-lặc chính là A-dật-đa (tiếng Phạn: Ajita, Hán dịch là Vô Thắng, Vô Năng Thắng hoặc Vô Tam Độc). Ngài là một vị đệ tử của Phật Thích-ca. Nhưng theo Kinh Thuyết Bản trong Trung A-hàm 13, Kinh Xuất Diệu 6 và Luận Đại Tỳ-bà-sa 178, Di-lặc và A-dật-đa là hai nhân vật khác nhau. Trong bài kệ tựa phẩm Bỉ Ngạn Đạo (Pàràyana) của Kinh Tập (Sutta - nipàta) thuộc Đại Tạng Kinh Pàli đều nêu cả hai tên A-dật-đa (Ajita) và Đế-tu Di-lặc (Tissametteyya), tức hoàn toàn cho đó là hai người khác nhau.

Từ Thị được đề cập sớm nhất ở Cakavatti (Sihanada) Sutta, Digha Nikaya 26 trong Kinh tạng Pali. Một số kinh Pali khác không có sự xuất hiện của Ngài, dẫn đến việc nghi ngờ tính xác thực của một số bài kinh. Hầu hết các bài giảng của Đức Phật được trình bày ở dạng hỏi đáp, trong đó, đức Phật giải đáp các thắc mắc của đệ tử, hoặc trong một số bối cảnh thích hợp khác. Nhưng kinh này có một khởi đầu và kết thúc, trong đó Đức Phật đang nói chuyện với các nhà sư về một cái gì đó hoàn toàn khác. Điều này dẫn Gombrich đến kết luận rằng một trong hai loại kinh là ngụy tạo, hoặc ít nhất bị giả mạo.